

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 177/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1992

Nơi cư trú: Thôn B, xã N, huyện X, tỉnh H.

Bị đơn: Mai Xuân S, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn 4 (nay là Thôn T), xã L, huyện X, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTT dân sự; khoản 1 Điều 6; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17/10/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Th và anh Mai Xuân S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Trần Thị Th và anh Mai Xuân S thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trần Thị Th và anh Mai Xuân S thống nhất vợ chồng có 01 con chung là cháu Mai Thị Khánh H, sinh ngày 26/11/2014. Anh chị thống nhất: Anh S là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu H cho đến khi cháu thành niên (đủ 18 tuổi) đây cũng là nguyện vọng của cháu H. Chị Th cấp dưỡng nuôi

con chung cùng anh S mỗi tháng 1.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 11/2022 cho đến khi cháu Huyền thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Trần Thị Th có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trường hợp có căn cứ để thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thì thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị Th và anh Mai Xuân S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trần Thị Th và anh Mai Xuân S tự nguyện thống nhất thỏa thuận chị Th chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo biên lai thu số: AA/2021/0009520 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị Th đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9. Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- VKSND h. Quảng Xương;
- UBND, Quảng L (nơi ĐKKH);
- Cơ quan THADS h. Quảng Xương;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Vũ Đại Long